

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33 /2018/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2018

|                                  |           |
|----------------------------------|-----------|
| CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ |           |
| ĐẾN                              | Giờ: ...  |
|                                  | Ngày: ... |

**THÔNG TƯ**

|                                                                                    |                  |
|------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2013/TT-NHNN                       |                  |
| ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành                 |                  |
| <b>CÔNG VĂN BẢN</b>                                                                |                  |
| Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam                        |                  |
| Giờ: ...                                                                           | Ngày: 05/12/2018 |
| Kính chuyển: ... Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010; |                  |

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt; Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2013/TT-NHNN ngày 05 tháng 12 năm 2013 ban hành Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Thông tư số 26/2013/TT-NHNN).

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2013/TT-NHNN như sau:**

1. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 2. Định kỳ hàng tháng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước sử dụng mẫu Bảng kê từ Phụ lục số 01 đến Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này để tính, thu phí dịch vụ thanh toán và tổng hợp số liệu thu phí dịch vụ thanh toán theo mẫu Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này.”**

2. Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Bổ sung Mục 1.3 “Phí xử lý kết quả quyết toán ròng từ các Hệ thống khác” và Mục 1.4 “Phí giao dịch thanh toán ngoại tệ” vào Mục 1 “Phí giao dịch thanh toán qua Hệ thống TTĐTLNH” tại Phần III “Phí dịch vụ thanh toán trong nước”, cụ thể:

| Stt | Loại phí                                               | Đơn vị thu phí                                                                                      | Đối tượng trả phí                                                                   | Mức phí                                                                             |
|-----|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.3 | Phí xử lý kết quả quyết toán ròng từ các Hệ thống khác | Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước                                                                     | Thành viên trả tiền (ghi Nợ tài khoản tiền gửi tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước) | <b>0,02% số tiền thanh toán (tối thiểu 4.000 đồng/món, tối đa 100.000 đồng/món)</b> |
| 1.4 | Phí giao dịch thanh toán ngoại tệ                      |                                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |
| a)  | Thanh toán bằng Đô la Mỹ (USD)                         | Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Thành viên hoặc đơn vị thành viên gửi Lệnh thanh toán                               | <b>0,02% số tiền thanh toán (tối thiểu 0,2 usd/món, tối đa 5 usd /món)</b>          |
| b)  | Thanh toán bằng Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)          |                                                                                                     |                                                                                     | <b>0,02% số tiền thanh toán (tối thiểu 0,2 eur/món, tối đa 5 eur/món)</b>           |

b) Sửa đổi, bổ sung Mục 3 “Phí giao dịch thanh toán từng lần qua tài khoản tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước” tại Phần III “Phí dịch vụ thanh toán trong nước”, cụ thể:

| Stt | Loại phí                                                                                          | Đơn vị thu phí                        | Đối tượng trả phí        | Mức phí                                                                                |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 3.  | <b>Phí giao dịch thanh toán từng lần qua tài khoản tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước</b> |                                       |                          |                                                                                        |
| 3.1 | Thanh toán bằng VND                                                                               | Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Ngân | Đơn vị chuyển (trả) tiền | <b>0,02% số tiền thanh toán (Tối thiểu 10.000 đồng/ món; Tối đa 100.000 đồng/ món)</b> |

|     |                                               |                                                                                                |                                                                    |
|-----|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 3.2 | Thanh toán bằng Đô la Mỹ (USD)                | hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phục vụ đơn vị chuyển (trả) tiền | 0,02% số tiền thanh toán (tối thiểu 0,2 usd/món, tối đa 5 usd/món) |
| 3.3 | Thanh toán bằng Đồng tiền chung Châu Âu (EUR) |                                                                                                | 0,02% số tiền thanh toán (tối thiểu 0,2 eur/món, tối đa 5 eur/món) |

3. Thay thế các mẫu Phụ lục số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-NHNN bằng các Phụ lục số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Bổ sung mẫu Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Vụ Tài chính - Kế toán hướng dẫn việc hạch toán kế toán đối với các giao dịch thu phí dịch vụ thanh toán bằng ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

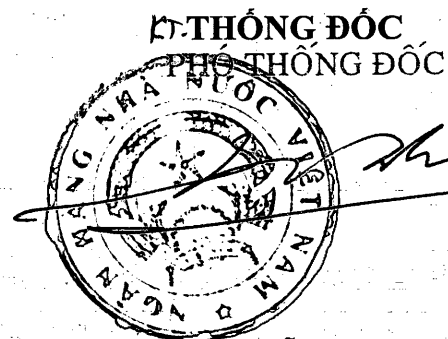
2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thanh toán, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước và các tổ chức khác sử dụng dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019. *pm*

### **Nơi nhận:**

- Như khoản 2 Điều 2;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VT, PC, TT. *ue*



Nguyễn Kim Anh

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM**

Đơn vị thu phí:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG KÊ CHI TIẾT PHÍ GIAO DỊCH THANH TOÁN QUA  
TIÊU HỆ THỐNG THANH TOÁN GIÁ TRỊ CAO, HỆ THỐNG TTĐTLNH**

**Loại tiền tệ: Việt Nam đồng (VND)**

Tháng ... năm ....

TK Nợ:..... Trang: .....

Đơn vị trả phí: ..... Mã NH: .....

| STT                                                                                                                                    | Ngày<br>giờ giao<br>dịch | Số<br>chứng từ           | Mã NH<br>nhận lệnh                       | Số tiền<br>trên<br>chứng từ               | Mức<br>phí | Tiền phí                         |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|------------|----------------------------------|
| (*) Kê chi tiết cho từng đơn vị thành viên (ĐVTV) của đơn vị trả phí (áp dụng cho trường hợp trả phí tập trung tại Sở Giao dịch NHNN): |                          |                          |                                          |                                           |            |                                  |
| (*) (Tên ĐVTV 1)                                                                                                                       |                          | (Mã NH<br>của<br>ĐVTV 1) | (Tổng số món<br>giao dịch của<br>ĐVTV 1) | (Tổng số tiền<br>giao dịch của<br>ĐVTV 1) |            | (Tổng số tiền phí<br>của ĐVTV 1) |
| 1.                                                                                                                                     | ...                      |                          |                                          |                                           |            |                                  |
| 2.                                                                                                                                     | ...                      |                          |                                          |                                           |            |                                  |
| ...                                                                                                                                    | ...                      |                          |                                          |                                           |            |                                  |
| (*) (Tên ĐVTV 2)                                                                                                                       |                          | (Mã NH<br>của<br>ĐVTV 2) | (Tổng số món<br>giao dịch của<br>ĐVTV 2) | (Tổng số tiền<br>giao dịch của<br>ĐVTV 2) |            | (Tổng số tiền phí<br>của ĐVTV 2) |
| 1.                                                                                                                                     | ...                      |                          |                                          |                                           |            |                                  |
| 2.                                                                                                                                     | ...                      |                          |                                          |                                           |            |                                  |
| ...                                                                                                                                    |                          |                          |                                          |                                           |            |                                  |
|                                                                                                                                        |                          |                          |                                          |                                           |            |                                  |
| <b>TỔNG CỘNG:</b>                                                                                                                      |                          |                          | (Tổng số<br>món giao<br>dịch)            | (Tổng số tiền<br>giao dịch)               |            | (Tổng số tiền<br>phí phải trả)   |

**Tổng số tiền phí phải trả (bằng chữ): .....**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**LẬP BẢNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**KIỂM SOÁT**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Lưu ý:** Các ô thuộc dòng (\*) chỉ sử dụng cho trường hợp tính và thu phí tập trung (tại Sở Giao dịch NHNN) để thống kê chi tiết, liên tục các món giao dịch thanh toán theo từng đơn vị thành viên của thành viên; trường hợp khác không sử dụng các ô thuộc dòng (\*).

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM**

Đơn vị thu phí:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG KÊ CHI TIẾT PHÍ GIAO DỊCH THANH TOÁN QUA  
TIỂU HỆ THỐNG THANH TOÁN GIÁ TRỊ THẤP, HỆ THỐNG TTĐTLNH**

**Loại tiền tệ: Việt Nam đồng (VND)**

Tháng ... năm ....

TK Nợ:..... Trang: .....

Đơn vị trả phí: ..... Mã NH: .....

| STT                                                                                                                                 | Ngày<br>giao dịch | Số<br>chứng từ     | Mã NH<br>nhận lệnh                 | Số tiền<br>trên<br>chứng từ         | Mức<br>phí | Tiền phí                      |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|------------------------------------|-------------------------------------|------------|-------------------------------|
| (*) Chi tiết cho từng đơn vị thành viên (ĐVTV) của đơn vị trả phí (áp dụng cho trường hợp trả phí tập trung tại Sở Giao dịch NHNN): |                   |                    |                                    |                                     |            |                               |
| (*) (Tên ĐVTV 1)                                                                                                                    |                   | (Mã NH của ĐVTV 1) | (Tổng số món giao dịch của ĐVTV 1) | (Tổng số tiền giao dịch của ĐVTV 1) |            | (Tổng số tiền phí của ĐVTV 1) |
| 1.                                                                                                                                  | ...               |                    |                                    |                                     |            |                               |
| 2.                                                                                                                                  | ...               |                    |                                    |                                     |            |                               |
| ...                                                                                                                                 | ...               |                    |                                    |                                     |            |                               |
| (*) (Tên ĐVTV 2)                                                                                                                    |                   | (Mã NH của ĐVTV 2) | (Tổng số món giao dịch của ĐVTV 2) | (Tổng số tiền giao dịch của ĐVTV 2) |            | (Tổng số tiền phí của ĐVTV 2) |
| 1.                                                                                                                                  | ...               |                    |                                    |                                     |            |                               |
| 2.                                                                                                                                  | ...               |                    |                                    |                                     |            |                               |
| ...                                                                                                                                 |                   |                    |                                    |                                     |            |                               |
| <b>Tổng cộng:</b>                                                                                                                   |                   |                    | (Tổng số món giao dịch)            | (Tổng số tiền giao dịch)            |            | (Tổng số tiền phí phải trả)   |

**Tổng số tiền phí phải trả (bằng chữ): .....**  
....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**LẬP BẢNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**KIỂM SOÁT**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký và ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Lưu ý:** Các ô thuộc dòng (\*) chỉ sử dụng cho trường hợp tính và thu phí tập trung (tại Sở Giao dịch NHNN) để thống kê chi tiết, liên tục các món giao dịch thanh toán theo từng đơn vị thành viên của thành viên; trường hợp khác không sử dụng các ô thuộc dòng (\*).

*PM*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM**

Đơn vị thu phí:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢNG KÊ TỔNG HỢP THU PHÍ QUA TIỂU HỆ THỐNG THANH TOÁN GIÁ TRỊ THẤP  
VÀ TIỂU HỆ THỐNG THANH TOÁN GIÁ TRỊ CAO HỆ THỐNG THANH TOÁN ĐIỆN TỬ LIÊN NGÂN HÀNG**

**Loại tiền tệ: Việt Nam đồng (VND)**

Tháng ... năm ....

TK Nợ:..... Trang: .....

Đơn vị trả phí: ..... Mã NH: .....

| STT    | Tên thành viên, đơn vị thành viên | Mã NH | Tiểu hệ thống thanh toán giá trị cao |                       |             | Tiểu hệ thống thanh toán giá trị thấp |                       |             | Thanh toán ĐTLNH |                       |              |
|--------|-----------------------------------|-------|--------------------------------------|-----------------------|-------------|---------------------------------------|-----------------------|-------------|------------------|-----------------------|--------------|
|        |                                   |       | Số món giao dịch                     | Số tiền trên chứng từ | Số tiền phí | Số món giao dịch                      | Số tiền trên chứng từ | Số tiền phí | Số món giao dịch | Số tiền trên chứng từ | Số tiền phí  |
| (1)    | (2)                               | (3)   | (4)                                  | (5)                   | (6)         | (7)                                   | (8)                   | (9)         | (10)=(4)+(7)     | (11)=(5)+(8)          | (12)=(6)+(9) |
| (*) 1. | ĐVTV 1                            |       |                                      |                       |             |                                       |                       |             |                  |                       |              |
| (*) 2. | ĐVTV 2                            |       |                                      |                       |             |                                       |                       |             |                  |                       |              |
| (*)... | ...                               |       |                                      |                       |             |                                       |                       |             |                  |                       |              |
| ...    | ...                               |       |                                      |                       |             |                                       |                       |             |                  |                       |              |
|        | <b>Tổng cộng:</b>                 |       |                                      |                       |             |                                       |                       |             |                  |                       |              |

**Tổng số tiền phí phải trả (bằng chữ): .....**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**LẬP BẢNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**KIỂM SOÁT**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Lưu ý:** Các ô thuộc dòng (\*) chỉ sử dụng cho trường hợp tính và thu phí tập trung (tại Sở Giao dịch NHNN) để thống kê tổng số lượng, giá trị, phí giao dịch thanh toán theo từng đơn vị thành viên của thành viên; trường hợp khác không sử dụng các ô thuộc dòng (\*).

*PM*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM**

Đơn vị thu phí:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG KÊ CHI TIẾT PHÍ GIAO DỊCH THANH TOÁN NGOẠI TỆ  
QUA HỆ THỐNG TTĐTLNH**

**Loại tiền tệ: USD/EUR/...(\*\*)**

Tháng .... năm ....

TK Nợ:..... Trang: .....

Đơn vị trả phí: ..... Mã NH: .....

| STT                                                                                                                                    | Ngày<br>giờ giao<br>dịch | Số<br>chứng từ     | Mã NH<br>nhận lệnh                 | Số tiền<br>trên<br>chứng từ         | Mức<br>phí | Tiền phí                      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------|------------------------------------|-------------------------------------|------------|-------------------------------|
| (*) Kê chi tiết cho từng đơn vị thành viên (ĐVTV) của đơn vị trả phí (áp dụng cho trường hợp trả phí tập trung tại Sở Giao dịch NHNN): |                          |                    |                                    |                                     |            |                               |
| (*) (Tên ĐVTV 1)                                                                                                                       |                          | (Mã NH của ĐVTV 1) | (Tổng số món giao dịch của ĐVTV 1) | (Tổng số tiền giao dịch của ĐVTV 1) |            | (Tổng số tiền phí của ĐVTV 1) |
| 1.                                                                                                                                     | ...                      |                    |                                    |                                     |            |                               |
| 2.                                                                                                                                     | ...                      |                    |                                    |                                     |            |                               |
| ...                                                                                                                                    | ...                      |                    |                                    |                                     |            |                               |
| (*) (Tên ĐVTV 2)                                                                                                                       |                          | (Mã NH của ĐVTV 2) | (Tổng số món giao dịch của ĐVTV 2) | (Tổng số tiền giao dịch của ĐVTV 2) |            | (Tổng số tiền phí của ĐVTV 2) |
| 1.                                                                                                                                     | ...                      |                    |                                    |                                     |            |                               |
| 2.                                                                                                                                     | ...                      |                    |                                    |                                     |            |                               |
| ...                                                                                                                                    |                          |                    |                                    |                                     |            |                               |
| <b>TỔNG CỘNG:</b>                                                                                                                      |                          |                    | (Tổng số món giao dịch)            | (Tổng số tiền giao dịch)            |            | (Tổng số tiền phí phải trả)   |

**Tổng số tiền phí phải trả (bằng chữ): .....**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**LẬP BẢNG**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**KIỂM SOÁT**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Lưu ý:**

- Các ô thuộc dòng (\*) chỉ sử dụng cho trường hợp tính và thu phí tập trung (tại Sở Giao dịch NHNN) để thống kê chi tiết, liên tục các món giao dịch thanh toán theo từng đơn vị thành viên của thành viên; trường hợp khác không sử dụng các ô thuộc dòng (\*).

- (\*\*) Loại tiền tệ: Bảng kê được lập riêng cho từng loại tiền tệ thực hiện thanh toán.

*PM*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM**

Đơn vị thu phí:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
**BẢNG KÊ TỔNG HỢP THU PHÍ GIAO DỊCH THANH TOÁN NGOẠI TỆ QUA  
HỆ THỐNG THANH TOÁN ĐIỆN TỬ LIÊN NGÂN HÀNG**

Loại tiền tệ: USD/EUR/... (\*\*)

Tháng ... năm ....

TK Nợ:..... Trang: .....

Đơn vị trả phí: ..... Mã NH: .....

| STT              | Tên thành viên, đơn vị thành viên | Mã NH | Số món | Số tiền trên chứng từ | Số phí | Ghi chú |
|------------------|-----------------------------------|-------|--------|-----------------------|--------|---------|
| 1.               |                                   |       |        |                       |        |         |
| (*) 1.           | ĐVTV 1                            |       |        |                       |        |         |
| (*) 2.           | ĐVTV 2                            |       |        |                       |        |         |
| (*)...           | ...                               |       |        |                       |        |         |
| <b>Tổng cộng</b> |                                   |       | ...    | ...                   | ...    |         |

Tổng số tiền phí phải trả (bằng chữ): .....

....., ngày ..... tháng .....năm .....

**LẬP BẢNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**KIỂM SOÁT**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
**Lưu ý:**

- Các ô thuộc dòng (\*) chỉ sử dụng cho trường hợp tính và thu phí tập trung (tại Sở Giao dịch NHNN) để thống kê tổng số lượng, giá trị, phí giao dịch thanh toán theo từng đơn vị thành viên của thành viên; trường hợp khác không sử dụng các ô thuộc dòng (\*).
- (\*\*) Loại tiền tệ: Bảng kê được lập riêng cho từng loại tiền tệ thực hiện thanh toán.

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM**

Đơn vị thu phí:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG KÊ PHÍ THANH TOÁN TỪNG LẦN  
QUA TÀI KHOẢN TIỀN GỬI MỞ TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
Loại tiền tệ: VND/USD/EUR...(\*\*)  
Tháng ... năm ....**

TK Nợ:..... Trang: .....

Đơn vị trả phí: ..... Mã NH: .....

| STT               | Ngày giao dịch | Số chứng từ | Mã NH nhận lệnh | Số tiền trên chứng từ    | Mức phí | Tiền phí                    |
|-------------------|----------------|-------------|-----------------|--------------------------|---------|-----------------------------|
| 1.                |                |             |                 |                          |         |                             |
| 2.                |                |             |                 |                          |         |                             |
| 3.                |                |             |                 |                          |         |                             |
| ...               |                |             |                 |                          |         |                             |
|                   |                |             |                 |                          |         |                             |
| <b>Tổng cộng:</b> |                |             |                 | (Tổng số tiền giao dịch) |         | (Tổng số tiền phí phải trả) |

**Tổng số tiền phí phải trả (bằng chữ): .....**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**LẬP BẢNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**KIỂM SOÁT**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Lưu ý:**

- Phụ lục 06 thống kê chi tiết các món giao dịch thanh toán từng lần qua tài khoản tiền gửi tại đơn vị NHNN, bao gồm: chuyển tiền qua hệ thống TTĐTLNH thông qua tư cách thành viên của đơn vị NHNN (CI-NHNN), chuyển tiền giữa các đơn vị NHNN thông qua tài khoản thanh toán liên chi nhánh, chuyển khoản tại cùng một đơn vị NHNN,...

- (\*\*) Loại tiền tệ: Bảng kê được lập riêng cho từng loại tiền tệ thực hiện thanh toán

*PM*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM**

Đơn vị thu phí:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG KÊ PHÍ GIAO DỊCH THANH TOÁN BÙ TRỪ**

**Loại tiền tệ: Việt Nam đồng (VND)**

Tháng ... năm ....

TK Nợ:..... Trang: .....

Đơn vị trả phí: ..... Mã NH: .....

| STT               | Ngày<br>giao dịch | Mã NH<br>nhận lệnh | Số món<br>giao dịch        | Mức phí | Tiền phí                          |
|-------------------|-------------------|--------------------|----------------------------|---------|-----------------------------------|
| 1.                |                   |                    |                            |         |                                   |
| 2.                |                   |                    |                            |         |                                   |
| 3.                |                   |                    |                            |         |                                   |
| ...               |                   |                    |                            |         |                                   |
|                   |                   |                    |                            |         |                                   |
|                   |                   |                    |                            |         |                                   |
| <b>Tổng cộng:</b> |                   |                    | (Tổng số món<br>giao dịch) |         | (Tổng số<br>tiền phí<br>phải trả) |

**Tổng số tiền phí phải trả (bằng chữ): .....**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**LẬP BẢNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**KIỂM SOÁT**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

*AM*

Đơn vị báo cáo:

## TỔNG HỢP SỐ LIỆU THU PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN

**(Dùng cho nội bộ các đơn vị NHNN)**

Tháng .... năm ...

[illegible]

|                   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|-------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| <b>Tổng cộng:</b> |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|-------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

**Tổng số tiền phí (bằng chữ):**.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**LẬP BẢNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**KIỂM SOÁT**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

### **Hướng dẫn tổng hợp số liệu:**

- Đơn vị lập báo cáo: Sở Giao dịch NHNN, Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; hoàn thành chậm nhất vào ngày 15 của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo.

- Đơn vị khai thác báo cáo: Vụ Thanh toán – NHNN Việt Nam, 49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- Hướng dẫn tổng hợp số liệu: Không báo cáo vào những ô có dấu (X); Số liệu báo cáo được tổng hợp thu phí tại mỗi đơn vị NHNN (Sở Giao dịch NHNN, Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

TH  
NAM

PM